

Hội thảo quốc tế:**“Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân:
kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam”**

Thực hiện kế hoạch hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và Viện Khoa học xã hội Việt Nam, trong hai ngày 30 và 31 tháng 10 năm 2007, tại Hà Nội, hội thảo quốc tế “Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân: kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam” được tổ chức dưới sự chủ trì của GS. TS. Đỗ Hoài Nam - Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Nội dung hội thảo tập trung vào 3 chủ đề chính:

- 1. Những vấn đề chung về tam nông ở Trung Quốc và Việt Nam.*
- 2. Những vấn đề về cơ cấu nông nghiệp, nông thôn của hai nước.*
- 3. Một số vấn đề xã hội ở nông thôn Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.*

Hội thảo đã thu hút được sự có mặt của đông đảo các nhà nghiên cứu, các học giả từ các viện nghiên cứu chuyên ngành của cả hai nước, với gần 20 báo cáo khoa học và nhiều ý kiến phát biểu tranh luận sôi nổi, hội thảo đã thành công tốt đẹp. Vì khuôn khổ tạp chí không đăng tải được tất cả các bài tham luận, chúng tôi chỉ giới thiệu một số báo cáo khoa học tiêu biểu và hy vọng các báo cáo này sẽ cung cấp cho bạn đọc những thông tin bổ ích về những vấn đề về tam nông đang được nghiên cứu hiện nay ở Việt Nam và Trung Quốc để bạn đọc tham khảo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - mấy vấn đề chủ yếu

CHỦ VĂN LÂM

Trong lịch sử, Việt Nam là một xã hội nông nghiệp, nông dân. Thách thức lớn nhất của lịch sử Việt Nam là chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Làm được điều này là thực hiện được sự chuyển biến vĩ đại nhất, chưa từng có trong lịch sử nước ta, trong đó cốt lõi là tăng trưởng kinh tế. Công cuộc xây dựng CNXH, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới trong vòng 20 năm trở lại đây, kinh tế Việt Nam có nhiều biến đổi. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển mình, đang lật xác trong khó khăn, để chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Có những nghịch lý trong sự tiến bộ ấy. Từ những năm 60 của thế kỷ trước, các thể chế lãnh đạo đất nước cũng đã từng đưa ra nhiều cột mốc thời gian nhằm tiên lượng cho sự lật xác này. Hiện nay mốc

thời gian được đưa ra là năm 2020, với “cây đu đủ thần” là công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghịch lý lớn nhất hiện nay trong xã hội Việt Nam là, nhìn vào cơ cấu ngành kinh tế thì thấy có sự chuyển biến rõ rệt: trong cơ cấu GDP, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm mạnh từ gần 40% trong khoảng đầu những năm 90 đến nay xuống còn 20%. Công nghiệp và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng gấp trên 3 lần tốc độ tăng của nông nghiệp. Đang có sự chuyển mạnh sang xã hội công nghiệp? Tuy nhiên, nếu nhìn vào cơ cấu lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế, bức tranh lại khác hẳn. Cơ cấu này gần như không thay đổi ngay cả trên 10 năm qua: vẫn xấp xỉ 70% lao động tập trung trong nông

Chủ Văn Lâm, TS, Viện Kinh tế Việt Nam.

ng nghiệp. Vẫn gần 80% dân số sống ở nông thôn. Cơ cấu kinh tế nông thôn thể hiện qua số hộ cũng hầu như không thay đổi. Hiện tại vẫn có đến 77% số hộ thuần nông (chỉ có thu nhập thuần túy từ sản xuất nông nghiệp), chỉ giảm được 1,6% so với 10 năm về trước. Một xã hội trong đó dân chúng chủ yếu vẫn sống bằng nghề nông thì gọi là xã hội gì?

Nghịch lý thứ hai: từ chỗ là một nước thiếu đói về lương thực, thực phẩm, ngày nay Việt Nam trở thành nước xuất khẩu nhiều mặt hàng nông phẩm ra thế giới, trong đó có một số mặt hàng đứng ở vị trí cao trên thị trường quốc tế về khối lượng (gạo, hồ tiêu, cà phê, thủy hải sản...). Tuy nhiên về tổ chức sản xuất nông nghiệp, vẫn là nền sản xuất nhỏ, thủ công, phân tán. Sản xuất tập trung chủ yếu ở các nông hộ với quy mô bình quân 0,6 hecta (cả nước). (Tại Đồng bằng sông Hồng, quy mô bình quân là 0,2 hecta) lại bị chia cắt mảnh mún thành nhiều mảnh (ở Đồng bằng sông Hồng và Khu bốn cũ bình quân mỗi hộ nông dân có từ 8 đến 12 mảnh ruộng). Năng lực tự tái đầu tư của nông hộ rất thấp. Nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước lại có xu hướng giảm, từ chỗ 18% trước đây đến nay chỉ còn 10% trong tổng vốn đầu tư, trong đó 80% là dành cho thủy lợi. Không phủ nhận những đóng góp của một số nhân tố khác nhưng có thể khẳng định được là những thành tựu về sản xuất và xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong những năm qua là kết quả chủ yếu của hai nhân tố: các hộ nông dân được “giải phóng” khỏi chế độ sản xuất tập thể và những tác động tích cực của thể chế kinh tế thị trường mang lại. Tuy nhiên, với vị thế yếu kém của nông hộ trong chuỗi giá trị sản phẩm, nông dân là người được hưởng lợi ít nhất. Một kết quả điều tra của UNDP cho thấy, tại Đồng bằng sông Cửu Long, người nông dân chỉ được thụ hưởng 16% lợi nhuận từ xuất khẩu gạo. Liệu tiềm năng tăng trưởng do những nhân tố ấy mang lại còn kéo dài trong bao lâu?

Nghịch lý thứ ba: Việt Nam được một số tổ chức quốc tế coi là một trong những hình

mẫu thành công trong xoá đói nghèo. Tỷ lệ số hộ nghèo đói giảm mạnh theo chuẩn của Việt Nam cũng như chuẩn quốc tế. Chỉ trong vòng 10 năm, Việt Nam đã giảm được một nửa số hộ đói nghèo. Mức sống của dân cư nông thôn được cải thiện qua các năm. Thế nhưng tỷ lệ người nghèo vẫn tập trung đông đảo ở nông thôn. Chênh lệch về mức sống trong toàn xã hội cũng như giữa thành thị và nông thôn vẫn nằm trong xu thế doanh ra. Điều này thì giữa Việt Nam với nhiều nước đang phát triển không có gì khác biệt lắm.

Ngoài ra còn có thể thấy, sự phát triển về kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam còn phải trả giá trực tiếp về môi trường, gián tiếp về giáo dục, nhất là về giáo dục phổ thông, về y tế cộng đồng... Vì sao lại có những nghịch lý trong sự phát triển đó?

Việt Nam chuyển từ mô hình kinh tế “tập trung, quan liêu, bao cấp” sang kinh tế thị trường. (Nói đầy đủ, chính thống là “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”). Có điều là trong khi những nhà lý luận, những nhà hoạch định chính sách ở tầm chiến lược vẫn đang tranh cãi về nội dung mô hình trên đây thì thực tế không ngồi chờ. Hơn thế, trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam không thể bỏ qua cơ hội lớn này. Trong một chừng mực không nhỏ, “sức mạnh thời đại” đã và đang lôi kéo Việt Nam đi vào sân chơi cùng những quy tắc của nó.

Khi Việt Nam mở cửa nền kinh tế của mình vào nửa cuối của những năm 80 thế kỷ XX thì cũng là lúc chương trình cải cách kinh tế trọn gói “Đồng thuận Washington” (Washington Consensus) ra đời. Chương trình được bảo trợ bởi Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế và Bộ Tài chính Mỹ. Dựa trên lý thuyết của Trường phái chủ nghĩa tự do mới cho rằng việc mở cửa thị trường trong nước tất yếu mang lại tăng trưởng đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời thúc đẩy tích lũy vốn, Chương trình này kêu gọi các nước đang phát triển cũng như các nước có nền kinh tế chuyển đổi thực hiện chính sách mở cửa và tư nhân hóa. Những biện pháp chủ

yếu ở đây là: để cho thị trường định giá cũng như phân bổ các nguồn lực, ổn định vĩ mô để chấm dứt lạm phát, xóa bỏ các hạn chế buôn bán và mở cửa cho hàng hóa và dòng vốn của nước ngoài, thu hẹp khu vực kinh tế nhà nước bằng cách chuyển giao cho tư nhân... Các định chế tài chính quốc tế sẽ hỗ trợ cho những chính sách đó bằng cách cho những nước này vay tiền. Đi theo hướng cải cách này, một số nước đã thành công. Người ta hay đưa ra những dẫn chứng như ở Mỹ Latinh là Chi lê, Đông Á là Trung Quốc, Ấn Độ.

Tuy nhiên những thất bại cũng không phải ít. Đó là nhiều nước Mỹ Latinh và châu Phi cũng như Đông Âu. Có những nước và khu vực gặp khủng hoảng tài chính trầm trọng như Mêhicô (1994), Đông Nam Á (1997), Nga (1998), Achentina (2001). Lý giải sự không thành công này người ta cho rằng đó là do: (i). Cạnh tranh không được thực hiện trên thị trường do những hạn chế về những điều kiện thể chế, lịch sử, văn hóa; (ii). Người tiêu dùng không được quyền quyết định đến sự lựa chọn cũng như khối lượng hàng hóa được sản xuất ra; (iii). Thông tin bất đối xứng. (iv). Trình độ tiên tiến hóa trong nền kinh tế thấp; các kênh tiêu thụ bị độc quyền kiểm soát... Cũng vì thế ngày nay người ta đang cố đi tìm những con đường khác. Giải pháp Boliva ở Mỹ Latinh do những nhà lãnh đạo của các nước Venêxuêla, Cuba khởi xướng là một ví dụ. Trong lĩnh vực học thuật, một số lý thuyết gia chủ trương đi tìm các sáng kiến về một nền kinh tế xã hội và tương trợ...

Việt Nam được đánh giá là trường hợp thành công của chương trình Đồng thuận Washington với nhiều bằng chứng như: mở cửa mạnh mẽ (tỷ lệ kim ngạch xuất nhập khẩu/ GDP trên 50%), dòng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp và gần đây là đầu tư gián tiếp đổ vào ngày càng tăng. Chương trình cổ phần hóa, phát triển kinh tế tư nhân diễn ra mạnh mẽ. Đang diễn ra lộ trình để cho thị trường điều tiết giá cả và những nguồn lực

kinh tế. Nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao (7-8%/năm)... Thế nhưng nền kinh tế này đang chứa đựng những yếu tố không bền vững. Về cơ bản, nó phát triển theo chiều rộng. Hệ số ICOR cao và có xu hướng gia tăng. So với các nước trong khu vực trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa và Trung Quốc hiện nay thì hệ số ICOR của Việt Nam cao hơn hẳn. Luồng vốn đầu tư hiện nay chủ yếu tập trung vào khai thác nguồn tài nguyên và nhân lực rẻ, khai thác thị trường nội địa. Khuynh hướng cải cách này (Đồng thuận Washington) được thực hiện ở Việt Nam đang tạo ra hai cơ cấu/hai khu vực kinh tế dường như độc lập, ít có những mối liên hệ, tác động lẫn nhau. Đó là cơ cấu/khu vực kinh tế đô thị-công nghiệp và cơ cấu/khu vực kinh tế nông thôn-nông nghiệp.

Số liệu thống kê cho thấy, trong cơ cấu kinh tế nông thôn, lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp nông thôn trong nhiều năm vẫn chỉ xoay quanh tỷ lệ 30%. Đáng nói là những sản phẩm công nghiệp nông thôn chủ yếu vẫn là những sản phẩm truyền thống. Công nghiệp nhiều tầng chưa thấy xuất hiện ở Việt Nam. Thất bại trong chiến lược nội địa hóa ngành công nghiệp ô tô Việt Nam là một minh chứng.

Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trong suốt 20 năm qua, tỷ trọng trồng trọt/chăn nuôi/dịch vụ không hề thay đổi với 80% là trồng trọt, 17% là chăn nuôi, 3% là dịch vụ. Như trên đã nêu, tỷ trọng lao động và dân số nông thôn gần như không thay đổi ngay cả trong những năm thực hiện cải cách (đổi mới).

Tốc độ phát triển của nông nghiệp hàng năm đạt từ 3,5 đến trên 4%, công việc xóa đói nghèo đạt kết quả khả quan về tốc độ (trong đó số hộ đói nghèo tập trung phần lớn ở nông thôn) nhưng đáng tiếc lại không phải là thành quả của phát triển công nghiệp mang lại. Nông nghiệp phát triển nhanh thời gian qua là do kết quả của giải phóng lực lượng sản xuất khỏi những ràng buộc của cơ chế cũ cũng như chính sách thị

trường. Công cuộc xóa đói nghèo có sự hỗ trợ không nhỏ của các định chế tài chính bên ngoài. Đó là đó là điểm không thành công (nếu không muốn nói là thất bại) lớn nhất của “Đồng thuận Washington” ở Việt Nam.

Điều này không có nghĩa là Việt Nam sẽ không tiếp tục đi theo mô hình kinh tế thị trường mà trong đó công nghiệp là động lực mạnh mẽ nhất để phá bỏ cơ cấu kinh tế nông thôn cổ truyền. Nhưng trong nền kinh tế thị trường cũng đã có những cách ứng xử khác nhau về quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn. Hoặc là tạm thời bỏ mặc nông nghiệp, nông thôn để tập trung phát triển công nghiệp, đô thị trước. Sau khi có đủ sức mạnh kinh tế mới quay lại kéo khu vực kinh tế nông thôn lên. Hoặc là phát triển cả hai khu vực này ngay từ đầu. Về lý thuyết cũng như thực tiễn của nhiều nước, cách làm sau là hiệu quả hơn, nhưng không dễ thực hiện. Vướng mắc lớn nhất ở đây là, nếu để mặc cho thị trường tự phân bổ nguồn lực thì tư bản, tự bản thân nó, sẽ tìm vào những nơi có tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Những nơi đó hiện nay ở Việt Nam chắc chắn không phải là nông nghiệp, nông thôn. Điều này được thể hiện rất rõ ở cơ cấu nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm 7% trong tổng vốn. Ngay cả khi tư bản (cả ngoài nước và trong nước) đầu tư vào khu vực này thì những nông hộ với quy mô manh mún của mình cũng là người chịu thiệt thòi nhất.

Như vậy nếu để mặc cho thị trường tự điều chỉnh thì chúng ta tiếp tục có bức tranh cơ cấu nói trên. Công nghiệp hóa theo cung cách những năm qua không làm biến đổi được cơ cấu lao động xã hội. Có thể có tốc độ phát triển công nghiệp nhanh ở giai đoạn đầu nhưng cái giá phải trả về cơ cấu kinh tế quốc dân, về đồng thuận xã hội sẽ dồn lại cho những giai đoạn sau.

Để sửa chữa khuyết tật trên đây, cần có sự điều chỉnh về chính sách của Nhà nước. Việc điều chỉnh chính sách nên tập trung vào hai hướng chính.

Một là, trong chiến lược phát triển công nghiệp cần hướng mạnh hơn vào địa bàn nông thôn, trong đó cần chú ý: (i) Phát triển hệ thống giao thông. Không như nhiều quốc gia khác, Việt Nam với vị trí địa lý của mình không có những vùng sâu, vùng xa khó với tới nếu Chính phủ có chính sách phát triển hạ tầng giao thông, liên lạc tốt (cũng không quá khó để kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực này nếu có chính sách phát triển cân đối một số ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế tạo ô tô); (ii) Đẩy mạnh phát triển những ngành công nghiệp phụ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp nông thôn phát triển sản phẩm mới; (iii) Có chính sách thuế ưu đãi cụ thể, minh bạch.

Hai là, tạo điều kiện để nông dân giữ được vị thế chủ động trong chuỗi giá trị nông phẩm bằng cách: (i) Giúp nông dân xây dựng hệ thống hợp tác xã, nhất là đối với những nông phẩm có tỷ suất hàng hóa cao, chú trọng phát triển hệ thống hợp tác xã theo chiều dọc; (ii) Chính sách nhà nước nên hướng vào thúc đẩy, hỗ trợ cho việc phát triển nông nghiệp hợp đồng trong đó đảm bảo lợi ích chính đáng của người nông dân. Hai nội dung trên đây có liên quan mật thiết với nhau, trong đó hệ thống hợp tác xã mạnh sẽ làm tăng khả năng mặc cả của người nông dân trên thị trường cả đầu vào lẫn đầu ra của nông phẩm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Niên giám thống kê Việt Nam năm 2006.
- WWW.Wikipedia. Mục từ “Washington Consensus”.
- Kỷ yếu hội thảo khoa học xã hội Việt Nam -- Cuba. La Havana, tháng 7-2007.